TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2024/DS-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2023/TLST-DS ngày 02/11/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà ***Đồng Thị Kim L***, sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: khu phố B, Phường L, thành phố BT, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ***Nguyễn Văn T***, sinh năm: 1997;

Nơi cư trú: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh V. (Có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: bà ***Nguyễn Thị M*** - luật sư Công ty luật luật sư M và cộng sự - Chi nhánh Miền Tây

** Bị đơn:* Bà ***Trần Thị Mỹ L1***, sinh năm: 1960;

Nơi cư trú: khu phố B, phường L, thành phố BT, tỉnh BT. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà ***Lê Thị Bích V***, sinh năm 1982

Nơi cư trú: khu phố B, phường L, thành phố BT, tỉnh BT. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà M, đại diện nguyên đơn ông T trình bày:

Trước đây bà Trần Thị Mỹ L1 có vay của bà L 01 lần với số tiền 252.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận không có lãi suất, nhưng thực tế là lãi suất 1%/ tháng. Số tiền này do bà L1 vay chứ không phải bà V vay. Còn giấy nhận nợ bà L1 ghi câu "*là mẹ của Vân*" là do bà L1 tự ghi và vì lý do gì thì bà L không biết. Vào ngày 07/3/2023, bà L1 đã trả được 5.000.000 đồng, còn lại 247.000.000 đồng, bà L1 hứa trong vòng 03 tháng sẽ trả cho bà L nhưng không thực hiện. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà L1 trả số tiền vay là 247.000.000 đồng và hiện chưa yêu cầu tính lãi suất.

Qua tiếp cận nội dung ghi âm thì không liên đến việc mượn tiền giữa bà L và bà L1. Đồng thời bà M yêu cầu hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L1 với ông T2 do có hành vi tẩu tán tài sản để thi hành án.

**** Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L1 trình bày*:**

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L, bà không có vay tiền của bà L mà là do con bà tên Lê Thị Bích V vay. Giữa bà và bà L không có dính gì đến tiền bạc. Do bà có đến gặp L xin lãi nên bà mới ghi "*mẹ của Vân*". Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ là do bà viết, còn chữ ghi ngày tháng năm là do bà L viết.

Con bà (V) vay của bà L số tiền 120.000.000 đồng với lãi suất 20%/tháng, đã trả vừa gốc và lãi hàng tháng, còn nợ lại 89.000.000 đồng thì không khả năng trả. Bà có xin bà L giảm lãi thì bà L nói bà V nợ số tiền 140.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng, còn lại 135.000.000 đồng. Ngày hôm sau, bà L cùng chồng đến nhà mẹ ruột bà kêu bà ra ngoài đường yêu cầu bà viết giấy xác nhận nợ sẽ giảm lãi cho bà V, với tổng số tiền nợ là 252.000.000 đồng, trả được 5.000.000 đồng, còn lại 247.000.000 đồng. Lúc này bà L đọc cho bà viết, bà không có điện hỏi V. Sau đó, bà về hỏi lại V và có điện thoại cho vợ chồng bà L để nói chuyện nhưng bà L không nghe máy. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà không đồng ý vì bà không có vay tiền của bà L mà do con bà là bà V vay.

Bà không có vay tiền của bà L, bà chỉ đứng ra xin lãi cho con bà là V. Nếu bà L cho rằng bà vay thì bà yêu cần bà L chứng minh việc bà L giao nhận tiền cho bà.

* ***Bà V trình bày***: Bà là người trực tiếp vay tiền của bà L chứ bà L1 không có vay. Bà vay của bà L khoảng 5 đến 6 lần, với tổng số tiền vay là 120.000. 000 đồng khi vay bà có ký vào sổ do bà L giữ, lãi suất 20%/ tháng, vay trả hàng ngày. Bà đã trả và chỉ còn nợ bà L số tiền là 89.000.000 đồng. Khi bà vay tiền bà L bà L1 (mẹ của bà) không biết. Bà có chứng cứ chứng minh cho việc vay nợ của bà với bà L là ghi âm trong điện thoại vào ngày 10/7/2023 thể hiện việc vay nợ của bà cũng như việc xin lãi của mẹ của bà.

Khi bà vay tiền của bà L thì bà có làm biên nhận cho bà L nhưng khi bà trả tiền thì bà L không có làm biên nhận do trả lãi hàng ngày, trả trong thời gian 30 ngày là dứt điểm. Khi bà L giao tiền cho bà thì chỉ có bà L và bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 BLDS 2015; NQ 326/30.12.2016 của HĐTP TANDTC hướng dẫn luật phí, án phí:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Kim L. Buộc bà Trần Thị Mỹ L1 phải trả cho bà Đồng Thị Kim L số tiền 247.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận. Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 13/7/2023 bà Đồng Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu Trần Thị Mỹ L1 trả số tiền mượn là 247.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi của số tiền trên. Bà L1 hiện cư trú tại thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo như bà L trình bày vào tháng 5/2023 bà có cho bà L1 mượn 247.000.000 đồng không có lãi suất, trong thời hạn 03 tháng nhưng đến nay bà L1 chưa trả. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Tại tòa, bà L yêu cầu bà L1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn là 247.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà L1 cho rằng bà không có vay nợ của bà L, khoản nợ của bà L là do con bà (V) vay chứ bà không có vay.

Xét giấy xác nhận nợ ghi "*Ngày 07/5/2023 tại khu phố Bình Khởi, phường 6, TP. Bến Tre, Bến Tre. Chị Trần Thị Mỹ L1 là mẹ của V có mượn tiền của L. Chị hứa 3 tháng sẽ thanh toán. Số nhà .., khu phố B, phường L, Tp. Bến Tre. Số CCCD. Điện thoại 0819379688 (Viết và ký tên Trần Thị Mỹ L1). Số tiền là 252.000.000, còn lại 247.000.000 đồng (Chữ viết và ký tên Trần Thị Mỹ L1)*". Bà L1 cho bà không có mượn tiền của bà L, mà là con gái của bà tên Lê Thị Bích V trong quá trình làm ăn có mượn tiền của bà L, mượn nhiều lần với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, giữa bà L1 và bà L không có dính gì đến tiền bạc, do bà có đến gặp bà L xin lãi cho V nên có ghi câu

là *mẹ của V*, bà L1 thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ là của bà viết, còn chữ ghi ngày tháng năm là bà L viết. Bà V (con gái bà L1) xác nhận có việc bà V vay tiền của bà L, tổng số tiền vay 120.000.000 đồng, bà đã trả được một phần gốc và lãi, sau đó do không còn khả năng trả nên bà V còn nợ lại bà L số tiền 89.000.000 đồng. Đồng thời bà V cung cấp chứng cứ là 01 USB ghi âm điện thoại và các tờ lược dịch chứng minh cho việc bà V có vay nợ của bà L cũng như có việc bà L gặp bà L để xin lãi. Nhưng qua xem xét nội dung đoạn ghi âm mà bà V cung cấp là 2 đoạn ghi âm chỉ thể hiện nội dung liên quan đến tiền vay giữa bà V và bà L, không có liên quan đến số tiền 247.000.000 đồng mà bà L khởi kiện. Bà L1 cho rằng bà chỉ đứng ra xin tiền lãi dùm cho con gái, nhưng theo nội dung Tờ mượn tiền mà bà L cung cấp thể hiện rõ việc bà L1 có mượn tiền của bà L. Bà Trần Thị Mỹ L1 có đủ năng lực hành vi dân sự nên bà L1 có đầy đủ khả năng nhận thức được các nội dung mà mình viết và phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình. Bên cạnh đó, nếu trong thời điểm bà L1 viết tờ giấy mượn tiền mà bà L cho rằng có sự lừa dối, ép buộc thì bà có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để trình báo hoặc tố giác hành vi ép buộc (nếu có) để cơ quan chức năng tiến hành xác minh làm rõ và có hướng giải quyết thỏa đáng cho bà.

Đối với việc bà V cho rằng bà chính là người vay tiền của bà L chứ không phải bà L1 thì xét lời trình bày của bà V cũng như các chứng cứ do bà cung cấp không đủ cơ sở để chứng minh. Bởi vì, qua các chứng cứ mà bà V cung cấp thể hiện nội dung bà có vay tiền của bà L với việc bà L1 viết tờ giấy mượn tiền không liên quan với nhau.

Trong quá trình giải quyết, bà L1 thừa nhận chữ ký và chữ viết trong tờ giấy mượn tiền là của bà. Căn cứ Điều 466 BLDS 2015 quy định "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*". Như vậy, theo Tờ giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cũng như qua lời trình bày của bà L1 thấy có cơ sở để xác định bà L1 có mượn tiền của bà L, thời gian mượn là 3 tháng kể từ ngày 07/5/2023. Quá thời hạn 3 tháng nhưng bà L1 không trả tiền cho bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu bà L1 trả số tiền còn lại là 247.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Ghi nhận việc bà L không có yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Đối vối yêu cầu đề nghị xem xét hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L1 với ông T1: Vào ngày 08/4/2024 bà L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tuyên hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Mỹ L1 và ông Nguyễn Minh T1 đối với phần đất có diện tích 219,5m^2 thuộc thửa 260, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại phường 6 thành phố Bến Tre do vi phạm điều cấm. Xét thấy vào ngày 07/12/2023 bà Trần Thị Mỹ L1 và ông Nguyễn Minh T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa đối với phần đất có diện tích 219,5m^2 thuộc thửa 260, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại phường 6 thành phố Bến Tre. Đến ngày 14/12/2023 ông T1 đã được chỉnh lý sang tên ông T1. Bên cạnh đó yêu cầu này phát sinh sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã có

quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm bà lệ phải nộp. Tuy nhiên căn cứ điều 12 Nghị quyết 326326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L1 là người cao tuổi nên được miễn. Hoàn trả phần tạm ứng án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà *Đồng Thị Kim L*; cụ thể tuyên:

Buộc bà ***Trần Thị Mỹ L1*** có trách nhiệm trả cho bà ***Đồng Thị Kim L*** số tiền là 247.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà L1 được miễn. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho bà Đồng Thị Kim L số tiền 6.175.000 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002142 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong